

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM QUỐC GIA

Số: **93** /VKNQG-KHVT
V/v báo giá vật tư, hóa chất phục vụ
thay thế và hiệu chuẩn thiết bị
chuyên dùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **26** tháng **4** năm 2025

Kính gửi: Quý đơn vị

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

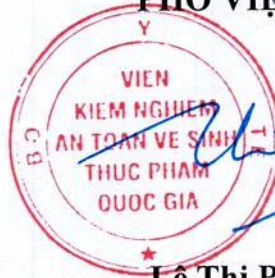
Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia đề nghị Quý đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật báo giá vật tư, hóa chất theo nội dung như sau:

- Danh mục báo giá: *(Phụ lục đính kèm)*.
 - Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến địa chỉ của bên mua dịch vụ, bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.
 - Mục đích báo giá: Xây dựng dự toán mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ thay thế và hiệu chuẩn thiết bị chuyên dùng.
 - Thời hạn gửi báo giá: Trước 17h00 ngày 10/5/2025.
 - Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt.
 - Hình thức gửi báo giá: Bản cứng *(yêu cầu có chữ ký và đóng dấu đỏ của đơn vị)*.
 - Hiệu lực báo giá: Tối thiểu 120 ngày.
 - Địa điểm nhận báo giá: Phòng Kế hoạch, Vật tư và Công nghệ thông tin – Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.
- Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại: 024.3933.5736; Email: khvt@nifc.gov.vn
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Viện trưởng (để b/c);
- PVT. Trần Cao Sơn (để biết);
- Lưu: VT, KHVT.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Lê Thị Phương Thảo

Phụ lục
DANH MỤC VẬT TƯ, HÓA CHẤT PHỤC VỤ THAY THẾ VÀ HIỆU CHUẨN
THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG

(Kèm theo Công văn số: 93 /VKNOG – KHVT ngày 26 / 4 /2025)

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Đèn UV bước sóng ngắn 254nm	Tương đương mã hàng hóa 352.0010 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận TLC Visualizer của hãng Camag	Cái	2		
2	Đèn UV bước sóng dài 366nm	Tương đương mã hàng hóa 3520011 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng bộ phận TLC Visualize của hãng Camag	Cái	2		
3	Dải đèn LED nhận tín hiệu ADC 2	Tương đương mã hàng hóa 1108353 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận ADC2 của hãng Camag	Cái	2		
4	Giao diện cảm biến nhiệt độ, độ ẩm	Tương đương mã hàng hóa 1350046 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận ADC2 của hãng Camag	Cái	1		
5	Syringe phun mẫu 100ul	Tương đương mã hàng hóa 6950014 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận Linomat 5 của hãng Camag	Cái	1		
6	Pittong cho syringe phun mẫu 100ul	Tương đương mã hàng hóa 0227830 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận Linomat 5 của hãng Camag	Cái	5		
7	Đĩa an toàn (Safety disk 180 bar inconer)	Tương đương mã hàng hóa 93434 của hãng Antonpaar hoặc phù hợp sử dụng cho máy phá hủy mẫu bằng áp suất của hãng Antonpaar	Cái	1		
8	Gioăng làm kín 107 x 117 x 6 PTFE	Tương đương mã hàng hóa 74913 của hãng Antonpaar hoặc phù hợp sử dụng cho máy phá hủy mẫu bằng áp suất của hãng Antonpaar	Cái	1		

9	Gioăng dự phòng 107,7 D=116 PTFE-GL-NI	Tương đương mã hàng hóa 72412 của hãng Antonpaar hoặc phù hợp sử dụng cho máy phá hủy mẫu bằng áp suất của hãng Antonpaar	Cái	1		
10	Gioăng hỗ trợ 107,8D=116 PTFE	Tương đương mã hàng hóa 71857 của hãng Antonpaar hoặc phù hợp sử dụng cho máy phá hủy mẫu bằng áp suất của hãng Antonpaar	Cái	1		
11	Alumina Injector 1.2 mm Optima 2/4/5/7x0	Tương đương mã hàng hóa N0775228 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP OES model DV 7000 của hãng Perkin Elmer	Cái	1		
12	Quartz Torch/ Đuốc Plasma bằng thạch anh	Tương đương mã hàng hóa N0770338 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP OES model DV 7000 của hãng Perkin Elmer	Cái	1		
13	Copper torch Ignitor tape for Optima 2x00/4x00/5x00/7 x00DV	Tương đương mã hàng hóa N0775297 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP OES model DV 7000 của hãng Perkin Elmer	Cái	1		
14	Nickel Sampler cone	Tương đương mã hàng hóa W1033612 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP MS model Nexion 350 của hãng Perkin Elmer	Cái	1		
15	Nickel Skimmer cone	Tương đương mã hàng hóa W1026356 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP MS model Nexion 350 của hãng Perkin Elmer	Cái	1		
16	Hyper Skimmer cone	Tương đương mã hàng hóa W1033995 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP MS model Nexion 350 của hãng Perkin Elmer	Cái	1		

17	Sampler cone gasket đệm cho sampler cone	Tương đương mã hàng hóa WE012989 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP MS model Nexion 350 của hãng Perkin Elmer	Cái	1		
18	Hyper Skimmer O-ring gioăng cho hyper skimmer cone	Tương đương mã hàng hóa N0775297 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP MS model Nexion 350 của hãng Perkin Elmer	Cái	1		
19	Nexion Vacuum Pump fluid (1 litter) Dầu chân không	Tương đương mã hàng hóa N8145003 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP MS model Nexion 350 của hãng Perkin Elmer	Chai	1		
20	Nexion Vacuum Pump fluid (1 litter) Dầu chân không	Tương đương mã hàng hóa N8145003 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP MS model Nexion 2000 của hãng Perkin Elmer	Chai	1		
21	Coolant Fluid nước làm mát	Tương đương mã hàng hóa WE016558 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP MS model Nexion 2000 của hãng Perkin Elmer	Chai	4		
22	Sample Probe	Tương đương mã hàng hóa N0777522 của hãng Perkin Elmer hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống ICP MS model Nexion 2000 của hãng Perkin Elmer	Cái	1		
23	Bộ tạo hơi cho máy chưng cất đậm	Tương đương mã hàng hóa 40001705 của hãng Velp hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống chưng cất đậm model UDK149/159 của hãng Velp	Bộ	1		
24	Bảng mạch điều khiển led và motor cho bình chuẩn độ cho máy cất đậm	Tương đương mã hàng hóa 40002426 của hãng Velp hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống chưng cất đậm model UDK149/159 của hãng Velp	Cái	1		

25	Van xả điện từ cho máy cắt đập	Tương đương mã hàng hóa 10005185 của hãng Velp hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống chung cắt đập model UDK149/159 của hãng Velp	Cái	2		
26	Van điện từ đóng mở 1 chiều cho máy cắt đập	Tương đương mã hàng hóa 40002182 của hãng Velp hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống chung cắt đập model UDK149/159 của hãng Velp	Cái	2		
27	Bình ngưng hút thải cho máy cắt đập	Tương đương mã hàng hóa 40001548 của hãng Velp hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống chung cắt đập model UDK149/159 của hãng Velp	Cái	2		
28	Bộ van 3 nhánh cho máy cắt đập	Tương đương mã hàng hóa 10002803 của hãng Velp hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống chung cắt đập model UDK149/159 của hãng Velp	Cái	1		
29	Đầu chống bắn tóe cho máy cắt đập	Tương đương mã hàng hóa 40001542 của hãng Velp hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống chung cắt đập model UDK149/159 của hãng Velp	Cái	4		
30	Gioăng dẹt cho máy chiết xơ	Tương đương mã hàng hóa 40001705 của hãng Velp hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống chung cắt đập model UDK149/159 của hãng Velp	Cái	6		
31	Gioăng tròn cho máy chiết xơ	Tương đương mã hàng hóa 10000215 của hãng Velp hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống chung cắt đập model UDK149/159 của hãng Velp	Cái	12		
32	Xylanh phun mẫu 100ul	Tương đương mã hàng hóa 6950014 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận Linomat 5 của hãng Camag	Chiếc	1		
33	Đầu phun mẫu	Tương đương mã hàng hóa 1150570 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận Linomat 5 của hãng Camag	Chiếc	1		

34	Bộ phận quạt thổi khí tuần hoàn cho ADC 2	Tương đương mã hàng hóa 3430125 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận ADC2 của hãng Camag	Chiếc	1		
35	Giao diện cảm biến nhiệt độ, độ ẩm	Tương đương mã hàng hóa 1350046 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận ADC2 của hãng Camag	Chiếc	1		
36	Gía giữ bản mỏng cho ADC2	Tương đương mã hàng hóa 3430125 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận ADC2 của hãng Camag	Cái	1		
37	Modul nhận biết quá trình triển khai của bản mỏng sắc ký sử dụng cảm biến CCD	Tương đương mã hàng hóa 105.8351 của hãng Camag hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận ADC2 của hãng Camag	Chiếc	1		
38	Xevo TQD / SQD 2 (Rotary) Performance Maintenance Kit	Tương đương mã hàng hóa 201000252 của hãng Waters hoặc phù hợp sử dụng cho Detector khối phổ Model TQD của hãng Waters	Bộ	1		
39	Đèn PDA	Tuổi thọ tối thiểu 2.000 giờ Tương đương mã hàng hóa 201000281 của hãng Waters hoặc sử dụng phù hợp cho Detector PDA kết nối với hệ thống sắc ký lỏng HPLC model Alliance E2695 của hãng Waters	Cái	4		
40	Đèn huỳnh quang	Tuổi thọ tối thiểu 2.000 giờ Tương đương mã hàng hóa 201000131 của hãng Waters hoặc sử dụng phù hợp cho Detector huỳnh quang kết nối với hệ thống sắc ký lỏng HPLC model Alliance E2695 của hãng Waters	Cái	1		
41	Xevo TQ-XS Performance Maintenance Kit	Tương đương mã hàng hóa 2010000310 của hãng Waters hoặc phù hợp sử dụng cho Detector khối phổ Model TQ-XS của hãng Waters	Bộ	1		

42	Đèn huỳnh quang	Tương đương mã hàng hóa 201000193 của hãng Waters hoặc phù hợp sử dụng cho detector huỳnh quang kết nối hệ thống sắc ký lỏng siêu hiệu năng cao model Hclass của hãng Waters	Cái	1		
43	Hclass QSM & FTN PM Kit	Vật tư bảo trì cho bộ tiêm mẫu và bơm phù hợp với hệ thống UPLC Model Hclass bao gồm các mã hàng hóa của hãng Waters với số lượng chi tiết như sau: - Mã 700002598: 01 cái - Mã 700002599: 01 cái - Mã 700005164: 01 cái - Mã 700005165: 01 cái - Mã WAT076152: 02 cái - Mã 700002597: 02 cái - Mã 700002595: 02 cái - Mã 700011628: 01 cái - Mã 700002600: 01 cái	Bộ	3		
44	Vòng đệm pha đảo cho piston PISTON SEAL, ANALYT., RP, W/O FLANGE, BIO	Tương đương mã hàng hóa 62660305 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	1		
45	Piston seals của hệ thống rửa seal của bơm PISTON SEALS (SEAL WASH SYSTEM)	Tương đương mã hàng hóa 60400033 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	1		
46	Van một chiều VALVE CARTRIDGE VQ FLEX/CORE, U3RS, SD	Tương đương mã hàng hóa 60412301 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	2		
47	Kim tiêm mẫu 25µL SYRINGE, 25UL, WPS-3000	Tương đương mã hàng hóa 68220001 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	1		



48	Rotor cho van 6 cổng R.SEAL,2P-6P VALVE HT,SST,<103MP A,WPS-	Tương đương mã hàng hóa 68400012 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	1		
49	Kim tiêm mẫu của bộ tiêm mẫu tự động SAMPLE NEEDLE, VIPER,WPS SL,WPS RS	Tương đương mã hàng hóa 68202432 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	1		
50	Cổng tiêm mẫu SERVICEKIT NEEDLE SEAT WPS SL, RS, TXRS	Tương đương mã hàng hóa 6820.0038A của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Bộ	1		
51	Ống truyền ion TSQ endura TSQ ENDURA ION TRANSFER TUBE	Tương đương mã hàng hóa 70005-20606 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	1		
52	Kim NEEDLE INSERT.32 GAUGE, HESI M2	Tương đương mã hàng hóa 70005-60155 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	1		
53	Vòng đệm của đường ống dẫn ion SEAL, RING, GRAPHITE VESPEL	Tương đương mã hàng hóa 97055-20442 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	1		

THIEM
 VE SI
 PHAM
 C GIA
 ★

54	Dầu cho bơm SOEVAC SV40Bi Lubricant Oil, Pump SOEVAC SV40Bi	Tương đương mã hàng hóa HAZMAT-01-00063 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Chai	2		
55	Pit-tong bằng Saphire SAPHIRE PISTON 2PCS,VF-P20,2G PUMPS	Tương đương mã hàng hóa 60400042 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống sắc ký lỏng phân giải cao model Ultimate 3000/Q Exactive của hãng Thermo	Cái	2		
56	LCMS PM Kit, ESI, MS40+ RP	Tương đương mã hàng hóa 51909007 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho bơm chân không Model MS40+ kết nối hệ thống LCMSMS model 1290/6460 của hãng Agilent	Bộ	1		
57	AVF 60 Gold Oil	Tương đương mã hàng hóa 60401444 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho bơm chân không Model MS40+ kết nối hệ thống LCMSMS model 1290/6460 của hãng Agilent	Chai	1		
58	Big Universal Trap, 1/8i fttgs, Nitrogen	Tương đương mã hàng hóa RMSN2 của hãng Agilent hoặc phù sử dụng cho hệ thống LCMSMS model 1290/6460 của hãng Agilent	Cái	1		
59	Capillary, FS, 0.6MM	Tương đương mã hàng hóa G196080060 của hãng Agilent hoặc phù sử dụng cho hệ thống LCMSMS model 1290/6460 của hãng Agilent	Cái	1		
60	PM Kit for LL/EM Heads (Quat. Pumps)	Tương đương mã hàng hóa G710468741 của hãng Agilent hoặc phù sử dụng cho hệ thống LCMSMS model 1290/6460 của hãng Agilent	Bộ	1		

61	Seal Wash PM kit for 1290 Quat Pumps	Tương đương mã hàng hóa G420468742 của hãng Agilent hoặc phù sử dụng cho hệ thống LCMSMS model 1290/6460 của hãng Agilent	Bộ	1		
62	PM KIT for HiP Sampler G4226A	Tương đương mã hàng hóa G422668735 của hãng Agilent hoặc phù sử dụng cho hệ thống LCMSMS model 1290/6460 của hãng Agilent	Bộ	1		
63	Agilent Vacuum Fluid 45 Platinum, 1Qt	Tương đương mã hàng hóa 51915851 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho bơm chân không Model RV5 của hãng Edward	Chai	1		
64	Filament,high temperature EI for GCMS	Tương đương mã hàng hóa G700560061 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống GCMSMS model 7890/7000 của hãng Agilent	Cái	2		
65	Big Universal Trap, 1/4i fttgs, Nitrogen	Tương đương mã hàng hóa RMSN4 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống GCMSMS model 7890/7000 của hãng Agilent	Cái	1		
66	Big Universal Trap, 1/4in fttgs, Helium	Tương đương mã hàng hóa RMSH41 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống GCMSMS model 7890/7000 của hãng Agilent	Cái	1		
67	QuickPick Split Vent + Inlet PM Kit	Tương đương mã hàng hóa 51886496 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống GCMSMS model 7890/7000 của hãng Agilent	Bộ	1		
68	CTC PAL Autosampler PM Kit	Tương đương mã hàng hóa G650088088 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống GCMSMS model 7890/7000 của hãng Agilent	Bộ	1		

69	Bộ SSL	Tương đương mã hàng hóa 19050771 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống GCMSMS model 7890/7000 của hãng Agilent	Bộ	1		
70	Dual Filament	Tương đương mã hàng hóa 1R120404-1940 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống GCMSMS model 7890/7000 của hãng Agilent	Cái	1		
71	DETECTOR ASSY W/LEAD SETS - ISQ	Tương đương mã hàng hóa 1R120379-0001 của hãng Agilent hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống GCMSMS model 7890/7000 của hãng Agilent	Cái	1		
72	Bộ dụng cụ bảo trì cho máy lọc nước Milli Q Integral 10	Tương đương mã hàng hóa ZF3000423 của hãng Merck Millipore hoặc phù hợp sử dụng cho máy lọc nước siêu tinh khiết model Milli Q Integral 10 của hãng Merck Millipore	Bộ	1		
73	Progard® TS2 - Cột tiên lọc bảo vệ màng RO	Tương đương mã hàng hóa PROG0T0S2 của hãng Merck Millipore hoặc phù hợp sử dụng cho máy lọc nước siêu tinh khiết model Milli Q Integral 10 của hãng Merck Millipore	Cái	1		
74	Quantum® TEX - Cột lọc trao đổi ion	Tương đương mã hàng hóa QTUM0TEX1 của hãng Merck Millipore hoặc phù hợp sử dụng cho máy lọc nước siêu tinh khiết model Milli Q Integral 10 của hãng Merck Millipore	Cái	3		
75	Bộ lõi lọc thô 10 inch (3 cấp)	Gồm 3 lõi lọc 5µm, 1µm, than hoạt tính phù hợp sử dụng cho cốc lọc kích thước 10 inch	Bộ	4		

76	TAMRA™ Dye Spectral Calibration Plate, Fast 96-well	Tương đương mã hàng hóa 4432414 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng để hiệu chuẩn dye màu cho hệ thống RT PCR model 7500DX/QS6 của hãng Thermo	Bộ	1		
77	VIC™ Dye Spectral Calibration Plate, Fast 96-well	Tương đương mã hàng hóa 4432396 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng để hiệu chuẩn dye màu cho hệ thống RT PCR model 7500DX/QS6 của hãng Thermo	Bộ	1		
78	FAM™ Dye Spectral Calibration Plate, Fast 96-well	Tương đương mã hàng hóa 4432389 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng để hiệu chuẩn dye màu cho hệ thống RT PRC model 7500DX/QS6 của hãng Thermo	Bộ	1		
79	NED™ Dye Spectral Calibration Plate, Fast 96-well	Tương đương mã hàng hóa 4432420 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng để hiệu chuẩn dye màu cho hệ thống RT PCR model 7500DX/QS6 của hãng Thermo	Bộ	1		
80	ROX™ Dye Spectral Calibration Plate, Fast 96-well	Tương đương mã hàng hóa 4432402 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng để hiệu chuẩn dye màu cho hệ thống RT PCR model 7500DX/QS6 của hãng Thermo	Bộ	1		
81	SYBR™ Green Dye Spectral Calibration Plate, Fast 96-well	Tương đương mã hàng hóa 4432408 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng để hiệu chuẩn dye màu cho hệ thống RT PRC model 7500/7500DX/QS6 của hãng Thermo	Bộ	1		
82	Region of Interest (ROI) and Background Plates, Fast 96-well	Tương đương mã hàng hóa 4432426 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng để hiệu chuẩn dye màu cho hệ thống RT PCR model QS6 của hãng Thermo	Bộ	1		

83	FAM™/ROX™ and VIC™/ROX™ Dye Normalization Plates, Fast 96- well	Tương đương mã hàng hóa 4432432 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng để hiệu chuẩn dye màu cho hệ thống RT PRC model 7500DX/QS6 của hãng Thermo	Bộ	1		
84	FAST 96 WELL RNASE P VERIF PLATE	Tương đương mã hàng hóa 4351979 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng để hiệu chuẩn dye màu cho hệ thống RT PCR model 7500/7500DX/QS6 của hãng Thermo	Bộ	1		
85	Micro Outlet Tubing SUS 0.1 X 600mm Ống dẫn dung môi đường kính trong 0.1mm	Tương đương mã hàng hóa 4461715 của hãng Sciex hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận LC model ExionLC AD của hãng Sciex hoặc bộ phận LC model 30AD của hãng Shimadzu	Cái	1		
86	Sample Loop (50µl) Vòng chứa mẫu thể tích 50µl	Tương đương mã hàng hóa 4427179 của hãng Sciex hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận LC model ExionLC AD của hãng Sciex hoặc bộ phận LC model 30AD của hãng Shimadzu	Cái	1		
87	Standard Needle Seal SIL-30 (Shimadzu) Gioăng cho kim bơm mẫu bộ phận bơm mẫu tự động	Tương đương mã hàng hóa 5041626 của hãng Sciex hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận LC model ExionLC AD của hãng Sciex hoặc bộ phận LC model 30AD của hãng Shimadzu	Cái	1		
88	Rotor for SIL-30 Low Pressure Valve Rotor cho van áp suất thấp	Tương đương mã hàng hóa 5041628 của hãng Sciex hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận LC model ExionLC AD của hãng Sciex hoặc bộ phận LC model 30AD của hãng Shimadzu	Cái	1		

89	Plunger with Holder Assembly & Diaphragm (LC30AD) Piston cho bơm dung môi	Tương đương mã hàng hóa 5041624 của hãng Sciex hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận LC model ExionLC AD của hãng Sciex hoặc bộ phận LC model 30AD của hãng Shimadzu	Cái	4		
90	Shimadzu Solvent Improved Stainless Filter Đầu lọc dung môi	Tương đương mã hàng hóa 4426106 của hãng Sciex hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận LC model ExionLC AD của hãng Sciex hoặc bộ phận LC model 30AD của hãng Shimadzu	Cái	4		
91	Line Filter for LC30AD SS Lọc dòng dung môi đầu ra của bơm	Tương đương mã hàng hóa 5041623 của hãng Sciex hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận LC model ExionLC AD của hãng Sciex hoặc bộ phận LC model 30AD của hãng Shimadzu	Cái	2		
92	Check Valve Out for LC-30AD (Shimadzu) Van kiểm tra 1 chiều cho máy UHPLC (Van đầu ra)	Tương đương mã hàng hóa 4466465 của hãng Sciex hoặc phù hợp sử dụng cho bộ phận LC model ExionLC AD của hãng Sciex hoặc bộ phận LC model 30AD của hãng Shimadzu	Cái	4		
93	PM Kit (4500/5500/6500) Bộ bảo trì cho thiết bị khối phổ	Tương đương mã hàng hóa 5054105 của hãng Sciex hoặc phù hợp sử dụng cho hệ thống khối phổ model 6500 của hãng Sicex	Bộ	1		
94	Thermo MULTIPLIER REPLACEMENT	Tương đương với mã hàng hóa 1R76022-14633 hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống khối phổ model TSQ 9000 của hãng Thermo	Cái	2		
95	Buồng thạch anh cho công bơm mẫu, loại chia dòng, 5 cái/hộp	Tương đương với mã hàng hóa 453A2265 hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống khối phổ model TSQ 9000 của hãng Thermo	hộp	3		

96	Buồng thạch anh cho công bơm mẫu, loại không chia dòng, 5 cái/hộp	Tương đương với mã hàng hóa 453A1925 hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống khối phổ model TSQ 9000 của hãng Thermo	hộp	3		
97	vòng đệm cho buồng thạch anh	Tương đương với mã hàng hóa 29001320 hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống khối phổ model TSQ 9000 của hãng Thermo	hộp	2		
98	Điện cực mao quản	Điện cực mao quản dùng cho bộ nguồn ion hóa ESI của hệ thống khối phổ model API 5500, API 6500 của hãng Sciex Hoặc tương đương mã hàng hóa 025392 của hãng Sciex	Cái	4		
99	Vòng đệm cho cột khối phổ đường kính trong 0.4mm	Vòng đệm cho cột khối phổ đường kính trong 0.4mm Tương đương mã hàng hóa 29033496 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng cho khối phổ model TSQ 9000 của hãng Thermo	Hộp	1		
100	Vòng đệm cho cột mao quản đường kính từ 0.1-0,25mm	Vòng đệm cho cột mao quản đường kính từ 0.1-0,25mm Tương đương mã hàng hóa 290VA191 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với khối phổ model TSQ 9000 của hãng Thermo	Hộp	1		
101	Kim tiêm mẫu 10 μ L	Tương đương mã hàng hóa 365D0311 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với khối phổ model TSQ 9000 của hãng Thermo	Cái	5		
102	glass insert (for split)	Tương đương mã hàng hóa 221-41444 của hãng shimadzu hoặc phù hợp sử dụng với khối phổ model 17A của hãng shimadzu	Hộp	2		

103	silicon rubber septum	Tương đương mã hàng hóa 201-35584 của hãng shimadzu hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký khí model 17A của hãng shimadzu	Hộp	1		
104	graphite ferruls (for glass insert)	Tương đương mã hàng hóa 221-15563-91 của hãng shimadzu hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký khí model 17A của hãng shimadzu	Hộp	1		
105	graphite ferruls (for capillary column)	Tương đương mã hàng hóa 221-32126-05 của hãng shimadzu hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký khí model 17A của hãng shimadzu	Hộp	1		
106	ACQ UPLC APH SS 12.5LG - PLUS	Tương đương mã hàng hóa 205001774 của hãng Waters hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký khí model I-Class của hãng Waters	Cái	1		
107	Inner API source service ket (XS stepwave)	Bộ kit bảo trì nguồn API phù hợp sử dụng cho Detector khối phổ model TQ XS của hãng Waters hoặc tương đương mã hàng hóa 700011347 của hãng Waters	Cái	1		
108	I-class QSM & FTN local PM kit	Vật tư bảo trì cho bộ tiêm mẫu và bơm phù hợp hoặc tương đương sử dụng cho hệ thống UPLC Model Iclass bao gồm các mã hàng hóa của hãng Waters với số lượng chi tiết như sau: - Mã 700009135: 02 cái - Mã 700006048: 02 cái - Mã WAT076152: 04 cái - Mã 700003563: 01 túi (02 cái) - Mã 700003755: 01 túi (02 cái) - Mã 7000116288: 01 cái - Mã 700009190: 04 cái - Mã: 700009194: 04 cái - Mã 700002600: 02 túi (túi 02 cái) - Mã 700005341: 01 cái	Bộ	1		

INH

109	reference Electrode pH - Ag/AgCl	Tương đương mã hàng hóa 061879 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký ion HPAEC PAD model ICS 6000 của hãng Thermo	Cái	2		
110	Bộ bảo dưỡng bơm	Tương đương mã hàng hóa 75970 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký ion HPAEC PAD model ICS 6000 của hãng Thermo	Bộ	2		
111	Bộ bảo dưỡng Autosampler	Tương đương mã hàng hóa 75000 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký ion HPAEC PAD model ICS 6000 của hãng Thermo	Bộ	1		
112	Piston cho bơm	Tương đương mã hàng hóa 79857 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký ion HPAEC PAD model ICS 6000 của hãng Thermo	Cái	2		
113	Điện cực so sánh	Tương đương mã hàng hóa 61879 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký ion HPAEC PAD model ICS 6000 của hãng Thermo	Cái	1		
114	Bộ bảo dưỡng van 6 cổng	Tương đương mã hàng hóa 75974 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký ion HPAEC PAD model ICS 6000 của hãng Thermo	Bộ	3		
115	Đệm cho điện cực làm việc	Tương đương mã hàng hóa 45972 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký ion HPAEC PAD model ICS 6000 của hãng Thermo	Cái	2		



116	Bộ bảo dưỡng bom	Tương đương mã hàng hóa 75970 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký ion HPAEC PAD model ICS 6000 của hãng Thermo	Bộ	1		
117	Đầu kim tiêm mẫu tự động	Tương đương mã hàng hóa 71575 của hãng Thermo hoặc phù hợp sử dụng với hệ thống sắc ký ion HPAEC PAD model ICS 6000 của hãng Thermo	Cái	1		
118	Tubing, 1/16 in (1.6mm) O.D. X 0.005 in (0.127 mm) I.D. X 5 ft (1.5 m) Length, PEEK	Vật liệu: Polyete ete keton Dài: 1,5m Đường kính trong: 0,127 mm Đường kính ngoài: 1,6mm Tương đương mã hàng hóa WAT022995 của hãng Waters	m	3		
119	2998 ANALYTICAL FLOWCELL REBUILD KIT	Bộ kit tái cấu trúc cho buồng đo mẫu phù hợp sử dụng cho Detector PDA của hãng Waters hoặc tương đương với mã hàng hóa 700003795 của hãng Waters	Bộ	1		
120	Hellma Macro-cuvette 101-QS, 10 x 10 mm layer thickness	Kích thước cuvet: 10 x 10mm Phù hợp sử dụng cho máy đo UV Vis model: BioSpectrometer của hãng Eppendorf hoặc máy đo kích thước hạt nano model SZ-100Z2 của hãng Horiba	Cái	1		

121	Bộ Kit bảo trì cho 2690/95 PM Kit	Vật tư bảo trì cho bộ tiêm mẫu và bơm phù hợp hoặc tương đương sử dụng cho hệ thống HPLC Model E2695 bao gồm các mã hàng hóa của hãng Waters với số lượng chi tiết như sau: - Mã 700000254: 01 túi (02 cái) - Mã WAT088084: 01 cái - Mã WAT270938: 01 túi (02 cái) - Mã WAT270939: 01 túi (04 cái) - Mã WAT271017: 02 cái - Mã: WAT271018: 01 túi (02 cái) - Mã 700002760: 02 cái - Mã 700001247: 01 cái - Mã WAT073109: 01 cái - Mã WAT270959: 02 cái	Bộ	2		
122	Vacuum seal VS-26 PTFE	Tương đương mã hàng hóa 11069167 của hãng Buchi hoặc phù hợp sử dụng cho máy cô quay Model R 300 của hãng Buchi	Cái	1		
123	SQD Set-up Solution QP	Dung dịch hiệu chuẩn khối phổ phù hợp sử dụng cho Detector khối phổ Model TQD của hãng Waters hoặc tương đương mã hàng hóa 700003105 của hãng Waters	Bộ	1		
124	MS Cleaning solution	Dung dịch làm sạch khối phổ phù hợp sử dụng cho Detector khối phổ Model TQD của hãng Waters hoặc tương đương mã hàng hóa 186006846 của hãng Waters	Bộ	1		
125	Inner API source service kit	Tương đương mã hàng hóa 700004671 của hãng Waters hoặc phù hợp sử dụng cho Detector khối phổ model TQD của hãng Waters	Bộ	1		
126	Female adaptor 4mm tube 1/8 g thread	Đầu đực nối nhanh ren G cho ống có đường kính 4mm Hoặc tương đương mã hàng hóa 700010281 của hãng Waters	Bộ	1		

127	Ion Block Support Assembly	Tương đương mã hàng hóa 700004201 của hãng Waters hoặc phù hợp sử dụng cho Detector khối phổ model TQD của hãng Waters	Bộ	1		
128	Gioăng cao su dài thể tích 0.5-5ml	Gioăng cao su phù hợp sử dụng cho micropipet thể tích 0,5 - 5ml của hãng Eppendorf hoặc tương đương mã hàng hóa 3120 076 026 của hãng Eppendorf	Cái	10		
129	Gioăng cao su dài thể tích 100-1000 μ l	Gioăng cao su phù hợp sử dụng cho micropipet thể tích 100 - 1.000 μ l của hãng Eppendorf hoặc tương đương mã hàng hóa 3120 076 026 của hãng Eppendorf	Cái	5		
130	Gioăng cao su dài thể tích 20-200 μ l	Gioăng cao su phù hợp sử dụng cho micropipet thể tích 20 - 200 μ l của hãng Eppendorf hoặc tương đương mã hàng hóa 3120 0857 000 của hãng Eppendorf	Cái	5		
131	Tuýp mỡ 45g	Phù hợp sử dụng để bôi trơn các linh kiện của pipet hoặc tương đương mã hàng hóa 0013 019 231 của hãng Eppendorf	Lọ	1		

Ghi chú: Báo giá ghi chi tiết các nội dung về giá và hiệu lực báo giá; Chất lượng hàng hóa; Thời gian, địa điểm giao hàng và các điều kiện khác

13